

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/HS-ST
Ngày 30 - 5 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoàng Minh;
- Ông Trần Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Hậu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 15 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Nhật P (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 17/02/2002 tại Đồng Tháp. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không có nghề nghiệp ổn định; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh M, sinh năm: 1978 và bà Lê Thị P1, sinh năm: 1979; gia đình bị cáo: có 02 anh em, bị cáo là con lớn nhất; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; Nhân thân: Ngày 31/12/2021, Lê Nhật P bị Trưởng Công an xã T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, chưa nộp phạt và đã hết thời hiệu thi hành quyết định quá 01 năm (bị cáo không có hành vi cố tình trốn tránh, trì hoãn), nên được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; tạm giữ ngày 21/01/2025, tạm giam ngày 24/01/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực T; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

- Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Đỗ Thị M1, sinh năm 1964.

Trú tại: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Trịnh Văn X, sinh năm 1968.

HKTT: Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Nguyễn Thanh N, sinh năm 1976.

5. Mai Thị Hồng P2, sinh năm 1977.

Cùng trú tại: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Trung H, sinh năm 1989.

Trú tại: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt, không có lý do.

2. Nguyễn Thị T, sinh năm 1952.

Trú tại: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1988.

Trú tại: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Nhật P không có việc làm ổn định, để có tiền tiêu xài bị cáo P đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, gồm:

- Vụ thứ 1: Vào khoảng 23 giờ ngày 04/12/2024, bị cáo Lê Nhật P đi bộ từ nhà đến nhà chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1990, cùng cư trú ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Đến nhà chị D, bị cáo P leo rào đột nhập từ phía sau mở cửa đi vào bên trong nhà. Tại đây, bị cáo P nhìn thấy chùm chìa khóa trên tủ nên lấy chìa khóa mở cửa rào, rồi quay lại bên trong nhà để tìm kiếm tài sản lấy trộm. Khi vào phòng ngủ, P thấy trên đầu giường có 02 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, trong đó 01 cái màu xanh của chị D và 01 cái màu đen của bà Đỗ Thị M1, sinh năm 1964, cư trú cùng địa chỉ với chị D, nên bị cáo P đã lấy trộm bỏ vào túi quần, đi ra ngoài tiếp tục lấy con heo đất để trên tủ nhựa. Bị cáo P đi ra khỏi ngoài nhà chị D đập heo đất nhưng bên trong không có tài sản gì. Sau

đó, bị cáo P trở lại nhà tiếp tục lấy ví da trên đầu tủ nhựa bên trong có khoảng 400.000 đồng, bị cáo lấy tiền và ném ví da tại khu vực bếp và đi về nhà. Đến khoảng 11 giờ ngày 05/12/2024, bị cáo P đón xe buýt đi đến tiệm Đ thuộc khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để bán 02 điện thoại lấy trộm với số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

- Vụ thứ 2: Khoảng 04 giờ ngày 20/12/2024, bị cáo P đi bộ ra khỏi nhà bị cáo tìm nơi có tài sản để lấy trộm. Khi đến Trường Trung học cơ sở T1, bị cáo P nhìn thấy trên bàn bên trong vọng gác có 01 điện thoại di động đang sạc pin của ông Trịnh Văn X, sinh năm 1968, cư trú tại khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; bị cáo P đã lén lút vào lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh – đen của ông X và đi đến khu vực vườn xoài ở ấp T, xã T để lẫn trốn. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, bị cáo P đón xe đi đến tiệm Đ để bán điện thoại lấy trộm với số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

- Vụ thứ 3: Vào khoảng 13 giờ ngày 13/01/2025, bị cáo P đến quán C thuộc khóm T, thị trấn T, huyện T để uống nước. Đến khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày, trên đường ra khỏi quán thì bị cáo P lén lút vào trong tủ lấy 01 điện thoại Samsung màu xanh và chìa khóa xe mô tô của ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1976, cư trú địa chỉ khóm T, thị trấn T, huyện T, rồi nhanh chóng ra ngoài điều khiển xe mô tô biển số 66B1-820.70, nhãn hiệu HONDA, loại Wave 125i, màu đen – đỏ tẩu thoát. Sau đó, bị cáo P đến tiệm điện thoại ở khu vực Khu Công nghiệp T để bán điện thoại với số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Ông N phát hiện tài sản bị mất trộm nên trình báo Công an thị trấn T xác minh làm rõ. Đến ngày 14/01/2025, bị cáo P biết tài sản lấy trộm của người quen nên chạy xe mô tô nêu trên đậu trước cửa quán N2 để trả lại cho ông N. Đến ngày 15/01/2025, ông N tìm đến cửa hàng điện thoại và tự chuộc lại với giá 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, trong quá trình điều tra bị cáo P còn khai nhận vào ngày 21/01/2025 đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 02 điện thoại di động hiệu Samsung tại khu vực Chợ A. Do điện thoại trộm không sử dụng được nên P đã ném bỏ tại khu vực Cầu T thuộc khóm T, thị trấn T, huyện T. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không xác định được bị hại và không thu hồi được tài sản. Vì vậy, Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để chứng minh lần phạm tội này.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 05/KL-HĐĐGTS, ngày 10/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T kết luận:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 4, ốp lưng màu trắng, đã qua sử dụng (xác định là tài sản của chị D). Giá trị: 2.100.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu đen (không nhớ kiểu máy), đã qua sử dụng (xác định là tài sản của bà M1). Giá trị: 1.100.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A54, màu xanh đen, đã qua sử dụng (xác định là tài sản của ông X). Giá trị: 2.100.000 đồng.

Tổng giá trị định giá: 5.300.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 12/KL-HĐĐGTS, ngày 04/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T kết luận:

- 01 xe mô tô biển số 66B1-820.70, số máy JA21E3462109, số khung MLHJA2107M5662109, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE 125i, màu đen - đỏ, đã qua sử dụng. Giá trị: 50.000.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG A53, màu xanh, đã qua sử dụng.

Giá trị: 2.900.000 đồng.

Tổng giá trị định giá: 52.900.000 đồng.

- Vật chứng thu giữ, xử lý gồm: 01 xe mô tô biển số 66B1-820.70, số máy JA21E3462109, số khung MLHJA2107M5662109, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE 125i, màu đen – đỏ, đã qua sử dụng, là tài sản bị trộm của bị hại Nguyễn Thanh N và Mai Thị Hồng P2 và 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG A53, màu xanh, đã qua sử dụng, là tài sản bị trộm của bị hại Nguyễn Thanh N. Hiện nay, Cơ quan điều tra đã trao trả cho bị hại Nguyễn Thanh N theo quy định pháp luật.

* Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Thị Thùy D, Đỗ Thị M1, Trịnh Văn X không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại do tài sản đã mất không có giá trị lớn.

Bị hại Nguyễn Thanh N không yêu cầu bị cáo bồi thường do đã nhận lại được tài sản và tài sản không hư hỏng.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 22/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên. Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ, hậu quả tác hại do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến phạm tội và nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Nhật P từ 03 (Ba) đến 04 (Bốn) năm tù; Về hình phạt bổ sung do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị miễn áp dụng đối với bị cáo.

Bị cáo P thừa nhận hành vi phạm tội và không tranh luận với Kiểm sát viên.

Bị cáo P nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, của Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình trong quá trình điều tra truy tố là thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Lê Nhật P tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị hại, phù hợp với Kết luận về định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã đủ cơ sở kết luận: Do có ý định tìm tài sản để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân và có quan sát từ trước, lợi dụng đêm tối và lợi dụng sơ hở của các bị hại trong việc quản lý tài sản, bị cáo P đã 03 lần trộm cắp tài sản, cụ thể: Lén lút vào nhà của chị Nguyễn Thị Thùy D và bà Đỗ Thị M1 chiếm đoạt 01 điện thoại của chị D, giá trị 2.100.000 đồng, 01 điện thoại của bà M1, giá trị 1.100.000 đồng và số tiền 400.000 đồng; lén lút vào vụng gác nơi ông Trịnh Văn X ở, chiếm đoạt 01 điện thoại của ông X giá trị 2.100.000 đồng; lén lút khi lấy trộm của ông Nguyễn Thanh N 01 điện thoại giá trị 2.900.000 đồng; lấy trộm của ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị Hồng M2 01 xe mô tô giá trị 50.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo P đã chiếm đoạt là 58.600.000 đồng. Lời nhận tội của bị cáo P phù hợp với lời khai của các bị hại và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”.

[3] Bị cáo là thanh niên đủ sức khỏe để lao động, sinh sống một cách lương thiện; nhưng do muốn có tiền để sử dụng, tiêu xài mà không phải lao động nên bị cáo đã cố ý xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác. Hành vi của bị cáo là có ý thức, chuẩn bị từ trước do đã quan sát, lợi dụng sơ hở của bị hại để chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến đời sống của người dân. Do đó, cần phải có hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Bị cáo Lê Nhật P phạm tội 02 lần trở lên, nên có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo là người có nhân thân xấu, do vào ngày 31/12/2021 đã bị Trưởng Công an xã T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, đến nay bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, xét một phần tài sản đã được thu hồi, giao trả kịp thời cho bị hại Nguyễn Văn N1 và Mai Thị Hồng P2; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải. Vào ngày 21/12/2024, bị cáo P đã ra đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản của bị hại Nguyễn Thị Thùy D, Đỗ Thị M1, Trịnh Văn X. Do đó, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Qua trình bày của bị cáo tại phiên tòa, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hiện nay bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo.

[5] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa; phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội, nên được chấp nhận. Tuy nhiên, về trách nhiệm giảm nhẹ trách nhiệm dân sự thì Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ nêu trên cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn N1 và Mai Thị Hồng P2 đã nhận lại đầy đủ tài sản bị mất trộm, không có yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự. Bị hại Nguyễn Thị Thùy D, Đỗ Thị M1, Trịnh Văn X có đơn không yêu cầu bị cáo trả lại giá trị tài sản bị chiếm đoạt nên không xem xét.

[7] Đối với việc bị cáo Lê Nhật P khai mang tài sản chiếm đoạt của Nguyễn Thị Thùy D, Đỗ Thị M1, Trịnh Văn X đến bán cho tiệm điện thoại Ngọc B. Quá trình điều tra không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của bị cáo là sự thật, nên không xem xét, xử lý là phù hợp.

[8] Đối với việc bị cáo P còn khai nhận vào ngày 21/01/2025 đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 02 điện thoại di động hiệu Samsung tại khu vực Chợ A. Do điện thoại trộm không sử dụng được nên bị cáo P đã ném bỏ tại khu vực Cầu T thuộc khóm T, thị trấn T, huyện T. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát

điều tra Công an tỉnh Đ không xác định được bị hại và không thu hồi được tài sản. Vì vậy, chưa đủ căn cứ để chứng minh lần phạm tội nên không xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[10] Bị cáo và người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Nhật P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Nhật P – 03 (Ba) năm tù; thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ 21/01/2025.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Lê Nhật P phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 30/5/2025). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- CSĐT CA tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Phân trại tạm giam KV. Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- Bị cáo; Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thùy Trang

